TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 298 /2022/HNGĐ-ST
Ngày 9 - 08 - 2022
"V/v ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Từ Thanh Nhung
Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Huỳnh văn Năm
Ông: Nguyễn Việt Thắng

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 09 tháng 08 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình, thụ lý số: 396/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 06 năm 2022 về việc "Ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 300/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 07 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Phạm Thị D, sinh năm 1977
Địa chỉ: Ấp 5, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt)
- *Bị đơn:* Nguyễn Văn T, sinh năm 1977;
Địa chỉ: Ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/06/2022 và lời trình bày nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện:

- Về hôn nhân: Chị D và anh T tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời tỉnh Cà Mau (theo giấy chứng nhận kết hôn số 16/2008, ngày 21.01.2008). Quá trình chung sống có 2 con chung tên Nguyễn Thị Trúc Q, sinh ngày 8/4/2009 và Nguyễn Thảo T sinh ngày 05.07.2015, các con hiện nay chị D đang nuôi dạy.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do bất đồng quan điểm, thường xuyên cải nhau, vợ chồng sống ly thân đã lâu không có thiện chí hàng gắn trở lại.

Nay xét thấy không hạnh phúc nên yêu cầu xin ly hôn với anh T, về con chung các con có nguyện vọng sống với ai người đó nuôi , nếu các cháu có nguyện sống với tôi thì tôi đồng ý nuôi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung;

Tài sản chung và nợ chung vợ chồng tự thõa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Nguyễn văn T trình bày tại biên bản ghi nhận ý kiến: Anh T đồng ý ly hôn với chị D, vợ chồng có 2 con chung Nguyễn Thị Trúc Q, sinh ngày 8/4/2009 và Nguyễn Thảo T sinh ngày 05.07.2015, các con có nguyện vọng sống với ai người đó nuôi, không đặt ra việc cấp dưỡng, về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về mối quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và nuôi con với bị đơn, do đó xác định mối quan hệ pháp luật giữa các đương sự là *"Ly hôn và nuôi con"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Xét về thẩm quyền của Tòa án:* Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện Trần Văn Thời, nội dung tranh chấp là việc *"Ly hôn và nuôi con",* nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xét về thủ tục của Tòa án:* Đối với bị đơn có yêu cầu tòa án xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] *Xét về yêu cầu ly hôn:* Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân tiến bộ là vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau, nhưng chị D và anh T không làm được điều đó mà ngược lại làm cho đời sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân thời gian dài nhưng không có thiện chí hàn gắn trở lại, chị D cương quyết xin ly hôn với anh T như vậy xác định chị D và anh T không còn tình cảm với nhau. Hơn nữa anh T củng xác định không còn tình cảm với chị D và đồng ý ly hôn với chị D. Từ những nhận định trên xét thấy các đương sự xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên đồng ý thuận tình ly hôn, xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa chị D và anh Trèo trên cơ sở tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật, nên chấp nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị D và anh Nguyễn Văn T là phù hợp với Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] *Xét về con chung:* Việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: Hội đồng xét xử xét thấy cháu Nguyễn Thị Trúc Q, sinh ngày 8/4/2009 và Nguyễn Thảo T sinh ngày 05.07.2015 từ khi chị D và anh T sống ly thân đến nay chị D trực tiếp nuôi dạy các con chung và qua làm việc với cháu Q và cháu T, các cháu có nguyện vọng sống với chị D. Xét thấy các cháu có nguyện vọng được sống

với chị D và chị D cũng xác định đủ điều kiện nuôi các cháu đến tuổi trưởng thành, do đó chấp nhận giao cháu Q và T cho chị D nuôi dạy là phù hợp.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, do chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Việc thăm mon chăm sóc con chung: Anh T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này và anh T phải tôn trọng quyền của các cháu được sống với chị D là phù hợp với Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] *Xét về tài sản chung và nợ chung:* Đối với tài sản chung và nợ chung nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không xem xét phần tài sản chung và nợ chung.

[7] *Xét về án phí:* Chị D phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Phạm Thị D.

Về hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị D và anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị D có trách nhiệm nuôi cháu Nguyễn Thị Trúc Q, sinh ngày 8/4/2009 và Nguyễn Thảo T sinh ngày 05.07.2015 (các cháu hiện đang sống cùng chị D). Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc thăm mon chăm sóc con chung: Anh T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này và anh T phải tôn trọng quyền của các cháu được sống với chị D

2. Về án phí sơ thẩm: Chị D phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, chị D đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai số 0005026 ngày 24/06/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, nay được chuyển thu đối trừ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày

nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- UBND xã Khánh Bình Tây Bắc;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Từ Thanh Nhung